

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM - ĐH THÁI NGUYÊN

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1	12002769	ĐẶNG HOÀNG AN	07/04/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
2	01045099	NGUYỄN VĂN AN	03/05/2001	Nam	7340116	Bất động sản
3	12006478	TRƯƠNG VĂN AN	24/12/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
4	12012997	BÙI ĐỨC ANH	22/04/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
5	23001138	DƯƠNG CÔNG HOÀNG ANH	31/01/2001	Nam	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
6	12008293	DƯƠNG THỊ MINH ANH	13/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
7	12012361	DƯƠNG THỊ QUỲNH ANH	19/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
8	12012999	ĐỖ MINH ANH	28/08/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
9	30010549	ĐÀO QUANG ANH	24/04/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
10	01045114	ĐOÀN THỊ LAN ANH	04/08/2001	Nữ	7640101	Thú y
11	18002495	ĐOÀN THỊ MAI ANH	06/03/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
12	12007384	ĐÔNG PHƯƠNG NHẬT ANH	20/07/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
13	12000002	HÀ THỊ KIM ANH	20/02/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
14	13003132	HOÀNG ĐỨC ANH	30/01/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
15	16001496	KHÔNG THỊ VÂN ANH	28/02/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
16	40010828	LÊ NGỌC ANH	01/05/2000	Nam	7340116	Bất động sản
17	12007390	LÊ VIỆT ANH	16/12/2001	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
18	12012369	LƯƠNG VĂN ANH	04/01/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
19	12002795	NGUYỄN THỊ ANH	20/08/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
20	12006098	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	28/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
21	27002452	NGUYỄN TUẤN ANH	08/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
22	12013011	NGUYỄN TUẤN ANH	18/11/2001	Nam	7340116	Bất động sản
23	12013529	NÔNG THỊ NGỌC ANH	28/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
24	12006502	PHẠM QUANG ANH	12/07/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
25	12010968	PHẠM QUỲNH ANH	27/05/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
26	21003419	TẶNG THỊ LAN ANH	12/06/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
27	24005705	TRẦN THỊ NGỌC ANH	20/07/2001	Nữ	7640101	Thú y
28	11000004	VƯƠNG ĐỨC ANH	29/06/2000	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
29	12004636	ĐẶNG NGỌC ÁNH	03/06/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
30	27006886	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	02/01/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
31	40005025	H' AN HWING	18/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
32	16001524	VIÊN VĂN BÁU	10/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
33	06001740	NGÔ VĂN BẰNG	02/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
34	12014119	HOÀNG MINH BÍCH	26/12/2001	Nữ	7620110	Khoa học cây trồng
35	12002498	TRẦN THỊ BÍCH	23/12/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
36	12010984	NGUYỄN VĂN BIÊN	27/11/2000	Nam	7320205	Quản lý thông tin
37	12006112	ĐÀO SỸ BIÊN	11/01/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
38	11001050	ĐÀO VĂN BÌNH	24/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
39	12003491	ĐẶNG VĂN BÌNH	28/08/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
40	12012406	HÀ THANH BÌNH	09/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
41	46001942	NGUYỄN HỮU BÌNH	07/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
42	12012407	PHẠM VĂN BÌNH	18/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
43	12005844	TRIỆU KHÁNH BÌNH	14/10/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
44	12007457	HOÀNG A CA	05/10/2001	Nam	7640101	Thú y
45	06004580	NÔNG VĂN CẬN	05/11/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
46	13005269	MÙA A CÂU	15/07/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
47	05000480	HOÀNG VĂN CHẤT	15/08/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
48	17002252	HOÀNG HẢI CHI	18/08/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
49	06002039	NÔNG THỊ MINH CHI	27/11/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
50	12000249	NÔNG THÙY CHI	30/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
51	62003120	VÀNG THỊ CHÍA	15/03/2000	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
52	05004557	LY VĂN CHIẾN	29/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
53	12002509	TRẦN VIỆT CHIẾN	27/06/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
54	12005298	NGUYỄN THỊ DÁNG CHIỀU	14/07/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm

55	06002591	NÔNG ĐÌNH CHINH	23/07/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
56	12010470	TRẦN VĂN CHỈNH	17/02/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
57	12009107	NGÔ ĐỨC CHÍNH	28/02/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
58	12009108	TRƯƠNG CÔNG CHÍNH	20/08/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
59	11001066	BÀN VĂN CHÔI	10/12/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
60	62004480	MÙA A CHỒNG	15/03/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
61	08002280	THẢO SEO CHÙA	01/01/2000	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
62	12006549	NGUYỄN QUỐC CHUNG	08/10/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
63	12013682	VŨ NGỌC CHUYỀN	25/07/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
64	14007501	GIÀNG A CHƯ	14/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
65	62001558	GIÀNG A CHỮ	14/01/1998	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
66	08000539	LÝ THÀNH CÔNG	19/01/2001	Nam	7340116	Bất động sản
67	62003505	VŨ A CÔNG	01/11/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
68	14008752	PHÀNG A CỦA	05/02/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
69	12009112	NGUYỄN THỊ ÁNH CÚC	30/11/2001	Nữ	7420201	Công nghệ sinh học
70	06003186	NÔNG LỤC CƯỜNG	18/06/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
71	12003516	DƯƠNG ĐÌNH CƯỜNG	17/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản
72	27000457	ĐÌNH QUỐC CƯỜNG	22/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
73	01070360	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	27/08/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
74	12007484	TRẦN MẠNH CƯỜNG	08/11/2001	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
75	11001073	SÙNG A DẬU	25/10/1998	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
76	62003902	LÒ THỊ DIÊN	24/08/2001	Nữ	7620110	Khoa học cây trồng
77	07001925	ĐAO THỊ DIỆP	02/07/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
78	12009122	NGUYỄN TRẦN NGỌC DIỆP	08/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
79	12005313	NGUYỄN THỊ THUÝ DIỆU	07/05/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
80	17001118	HOÀNG KHÁNH DU	22/12/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
81	14008091	LY BẢ DỪA	25/05/2001	Nam	7620114	Kinh doanh nông nghiệp
82	13002769	SÀM VĂN DUÂN	26/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản
83	11000037	LÝ THỊ DUNG	18/07/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
84	12008340	NGÔ THỊ DUNG	26/04/2001	Nữ	7620114	Kinh doanh nông nghiệp
85	18015527	NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG	22/01/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
86	05004819	TÀI THỊ DUNG	27/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
87	12013034	HỒ ANH DỪNG	14/09/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
88	11001747	HÀ VĂN DỪNG	12/12/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
89	12010488	HOÀNG VĂN DỪNG	29/05/2001	Nam	7640101	Thú y
90	16009908	LÊ TIỀN DỪNG	29/05/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
91	16003678	NGUYỄN ANH DỪNG	04/07/2001	Nam	7420201	Công nghệ sinh học
92	12011029	PHẠM ĐỨC DUY	22/06/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
93	09004475	PHẠM KHƯƠNG DUY	26/05/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
94	09000028	DƯƠNG THỊ DUYÊN	12/10/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
95	12009139	ĐỖ HỒNG DUYÊN	26/12/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
96	12006141	BÙI TÙNG DƯƠNG	30/05/2001	Nam	7620211	Quản lý tài nguyên rừng
97	12011037	ĐÀO THIỆN DƯƠNG	01/07/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
98	18009131	ĐỊCH THỊ DƯƠNG	04/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
99	06004360	HOÀNG THỊ ÁNH DƯƠNG	03/08/2001	Nữ	7640101	Thú y
100	11000553	HOÀNG XUÂN DƯƠNG	19/08/2001	Nam	7340116	Bất động sản
101	01045408	LÂM THIÊN DƯƠNG	17/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
102	12011732	NGUYỄN ĐÌNH THÙY DƯƠNG	03/09/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
103	09005122	QUÁCH THÙY DƯƠNG	11/04/2001	Nữ	7640101	Thú y
104	12006142	DIỆP VĂN ĐẠI	11/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản
105	15013152	HOÀNG TRỌNG ĐẠI	23/05/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
106	18000607	NGÔ VĂN ĐẠI	11/12/2000	Nam	7340116	Bất động sản
107	12007537	BẾ TRẦN HOÀNG ĐÀM	02/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
108	11002027	LỤC VĂN ĐẠO	25/01/2001	Nam	7640101	Thú y
109	12005868	ĐÀM TRỌNG ĐẠT	06/07/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
110	24003642	ĐÀO KHẢ ĐẠT	03/12/2001	Nam	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
111	12002533	ĐOÀN VĂN ĐẠT	26/09/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
112	12005869	MÔNG THÀNH ĐẠT	16/03/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm

113	10007612	NGUYỄN VĂN ĐẠT	19/05/2001	Nam	7340116	Bất động sản
114	12006146	NGUYỄN VĂN ĐẠT	20/08/2001	Nam	7640101	Thú y
115	12007548	LƯU HẢI ĐĂNG	25/01/2001	Nam	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
116	06002081	HÀ THỊ LAN DIỆP	03/03/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
117	09001396	HOÀNG VĂN ĐỘI	01/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
118	05004830	HOÀNG DUY ĐÔNG	08/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
119	12011753	TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	04/01/2001	Nam	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
120	12009174	ĐỖ HỮU ĐỘNG	17/09/2001	Nam	7340116	Bất động sản
121	07002160	GIÀNG A ĐUA	29/09/2001	Nam	7620110	Khoa học cây trồng
122	12000327	DƯƠNG NGỌC ĐỨC	09/12/2000	Nam	7340116	Bất động sản
123	12002543	LÊ MINH ĐỨC	21/06/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
124	05004059	LÔ MỘNG ĐƯỢC	26/12/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
125	11002044	HOÀNG NGỌC GIANG	05/10/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
126	12004731	LIÊU VĂN GIANG	27/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản
127	28016229	PHẠM HƯƠNG GIANG	19/08/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
128	12002555	TRẦN VĂN GIANG	21/01/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
129	13005310	KHANG A GIÀNG	07/10/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
130	11001092	SÀO VĂN GIẤY	07/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
131	29012232	HOÀNG THỊ HÀ	24/02/2001	Nữ	7340120	Kinh doanh quốc tế
132	12005889	LƯƠNG MẠNH HÀ	13/02/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
133	12013061	NGUYỄN ĐỖ THÁI HÀ	09/03/2001	Nam	7340116	Bất động sản
134	08000105	NGUYỄN THỊ HÀ	12/11/2000	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
135	12004741	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	07/12/2001	Nữ	7640101	Thú y
136	09003904	NGUYỄN THANH HÀ	28/06/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
137	12012497	NGUYỄN THU HÀ	12/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
138	12007595	NGUYỄN THU HÀ	22/03/2001	Nữ	7640101	Thú y
139	12011077	NGUYỄN THU HÀ	27/08/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
140	12009868	TÔ VĂN HÀ	24/07/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
141	12009199	LƯƠNG MẠNH HẢI	19/11/2000	Nam	7340116	Bất động sản
142	27000526	NGUYỄN THANH HẢI	12/02/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
143	12001658	NGUYỄN VĂN HẢI	01/08/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
144	62004833	POÔNG THANH HẢI	02/04/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
145	12004751	TRẦN MINH HẢI	17/09/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
146	12008805	VI VĂN HẢI	18/04/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
147	06004620	HOÀNG THỊ HẠNH	04/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
148	01045760	LÒ VĂN HẠNH	24/04/2001	Nam	7340116	Bất động sản
149	17009280	NGÔ THỊ HẠNH	01/02/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
150	12006173	NGUYỄN HỒNG HẠNH	12/07/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
151	12013068	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	30/10/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
152	12013069	VÕ THỊ HỒNG HẠNH	13/08/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
153	12013350	TẠ CHÍ HÀO	01/06/2000	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
154	17001721	BÙI THỊ HẢO	30/04/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
155	12003585	DƯƠNG THỊ HẢO	02/09/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
156	62004837	LÈNG VĂN HẢO	08/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
157	10001878	DƯƠNG THỊ THU HẰNG	18/06/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
158	06004197	HOÀNG THỊ HẰNG	14/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
159	12012521	NGUYỄN THỊ HẰNG	01/01/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
160	28024866	NGUYỄN THỊ HẰNG	05/10/2001	Nữ	7620115	Kinh tế nông nghiệp
161	12012522	NGUYỄN THÚY HẰNG	19/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
162	18009147	NÔNG THỊ THÚY HẰNG	02/11/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
163	12010556	TRẦN THỊ HẰNG	01/10/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
164	11002753	LỤC THÀNH HÂN	01/07/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
165	12004766	PHẠM THỊ HẬU	22/07/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
166	12005395	ĐỖ BÁ HẬU	10/06/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
167	12013355	TRIỆU THỊ HẬU	08/12/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
168	13002856	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	21/03/2001	Nữ	7640101	Thú y
169	12012527	ĐINH THỊ HIỀN	09/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
170	12008397	LÊ THỊ HIỀN	21/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm

171	11000076	MÃ THỊ THU HIỀN	04/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
172	21006233	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	03/02/2001	Nữ	7620101	Nông nghiệp công nghệ cao
173	12005401	TRẦN PHƯƠNG HIỀN	11/05/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
174	12006696	TRẦN THỊ THÚY HIỀN	21/11/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
175	07001950	VÀNG THỊ HIỀN	19/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
176	12001674	HOÀNG TIẾN HIỆP	15/02/2001	Nam	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
177	27007693	PHẠM ĐẮC HIỆP	13/03/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
178	12012542	ĐỒNG MINH HIẾU	24/11/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
179	05004611	ĐẶNG TRUNG HIẾU	10/09/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
180	26008771	HOÀNG MẠNH HIẾU	02/05/2001	Nam	7640101	Thú y
181	09000669	HOÀNG TRUNG HIẾU	24/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
182	06004204	LỤC THANH HIẾU	14/05/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
183	12013078	LÊ TRUNG HIẾU	11/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
184	63005240	LƯƠNG TRUNG HIẾU	20/10/2000	Nam	7320205	Quản lý thông tin
185	12007647	NGÔ THANH HIẾU	09/01/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
186	05004070	MAI QUANG HIỆU	10/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
187	12006196	MẠCH TIẾN HIỆU	17/05/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
188	12011818	BÙI THỊ HOA	18/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
189	12003018	NGUYỄN THỊ HOÀ	07/02/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
190	08000585	TRƯƠNG THỊ THANH HÒA	22/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
191	12013369	ĐẶNG THỊ HOÀI	14/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
192	12009244	HOÀNG THỊ THU HOÀI	18/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
193	12013370	LÝ THU HOÀI	16/04/2001	Nữ	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
194	12012559	NGUYỄN THỊ HOÀI	25/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
195	11002259	NÔNG THỊ HOÀI	13/10/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
196	11000632	PHAN THỊ THANH HOÀI	18/10/2000	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
197	12011830	PHẠM DOÃN HOÀI	09/04/2001	Nam	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
198	12002578	PHẠM THỊ HOÀI	30/12/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
199	12009258	VI THỊ HOÀI	04/07/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
200	11000633	ĐẶNG HÝ HOAN	18/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
201	06000343	HỨA VĂN HOÀN	08/07/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
202	09007477	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	02/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
203	12013086	BÙI ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG	11/07/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
204	11002763	CHU VĂN HOÀNG	18/01/1997	Nam	7620115	Kinh tế nông nghiệp
205	13005520	HÀ HUY HOÀNG	17/10/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
206	16003301	KHÔNG VĂN HOÀNG	07/07/2000	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
207	12002584	PHÓ VIỆT HOÀNG	25/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
208	13002509	VŨ VIỆT HOÀNG	17/12/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
209	07000579	HÀNG A HỒNG	26/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
210	26003178	NGUYỄN THỊ HỒNG	15/04/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
211	12001342	NGUYỄN THỊ HỒNG	01/09/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
212	12011855	TRẦN THỊ HỒNG	25/05/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
213	13005333	TRANG A HỒ	05/12/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
214	12011860	NGUYỄN THỊ HUỆ	15/08/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
215	10001930	HOÀNG THỊ HUỆ	12/12/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
216	19010816	PHẠM THỊ HUỆ	03/04/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
217	12006782	PHẠM THỊ MINH HUỆ	16/02/2002	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
218	09002665	TÔ THỊ HUỆ	02/10/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
219	12006223	ĐÀO MẠNH HÙNG	01/07/2000	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
220	10005658	LĂNG VĂN HÙNG	08/03/2000	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
221	09007496	LÊ QUANG HÙNG	14/12/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
222	10000758	NGUYỄN MẠNH HÙNG	23/03/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
223	12000454	VÀNG NGUYỄN HÙNG	19/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
224	12013384	DIỆP QUANG HUY	18/08/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
225	28019869	ĐỖ VĂN HUY	06/05/2001	Nam	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
226	09001493	ĐỒNG QUỐC HUY	31/07/1996	Nam	7850103	Quản lý đất đai
227	12007718	TRẦN GIA HUY	12/03/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
228	12013109	VŨ QUANG HUY	14/09/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường

229	12001734	HÀ THỊ THU HUYỀN	27/07/2001	Nữ	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
230	12013393	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	28/12/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
231	12010622	LÊ THỊ THANH HUYỀN	23/10/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
232	12001355	MA THỊ HUYỀN	21/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
233	12001357	MA THỊ HUYỀN	26/12/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
234	11000675	NGÔ LỘC KHÁNH HUYỀN	27/03/2001	Nữ	7640101	Thú y
235	12006240	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	02/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
236	12011890	TRẦN THỊ THU HUYỀN	28/11/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
237	01046020	LÒ A HUYNH	12/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
238	11000681	BÙI QUANG BẮC HÙNG	03/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
239	10006182	HOÀNG DOÃN HÙNG	19/10/2001	Nam	7640101	Thú y
240	62004868	LÈNG VĂN HÙNG	17/09/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
241	62004869	LƯỜNG NGỌC HÙNG	05/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
242	12003085	ĐINH THỊ THU HƯƠNG	28/04/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
243	12011902	LẠI THỊ LÂM HƯƠNG	14/01/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
244	12006251	LÝ HOÀNG HƯƠNG	02/08/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
245	12013118	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	10/11/2001	Nữ	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
246	06000940	VI THỊ HƯƠNG	05/02/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
247	12006832	TRẦN THỊ HƯƠNG	05/01/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
248	06004225	VI VĂN HƯƠNG	27/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
249	06004226	LÂM HỒNG HƯƠNG	28/11/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
250	12006256	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	16/04/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
251	12010642	ĐÀO QUANG KHẢI	28/07/2001	Nam	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
252	10006524	DƯƠNG TẤN KHANG	16/10/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
253	13002536	NGUYỄN CÔNG KHANH	09/08/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
254	15009090	PHÙNG CÔNG KHANH	25/08/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
255	08004394	TRẦN DƯƠNG KHANH	02/11/2001	Nam	7640101	Thú y
256	12013403	TRẦN VINH KHÁNH	14/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
257	12003103	TRƯƠNG DUY KHÁNH	01/08/2001	Nam	7640101	Thú y
258	08004851	VÀNG A KHAY	12/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
259	10001972	LÝ VĂN KHIÊM	20/05/2001	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
260	10007850	HOÀNG THỊ KIM KHUYÊN	16/06/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
261	14005976	TÔNG THỊ THU KHUYÊN	16/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
262	12008472	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	08/09/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
263	12009337	DIỆP VĂN KIÊN	23/10/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
264	11000713	ĐỒNG PHÚC KIÊN	01/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
265	06001133	NGỌC TRUNG KIÊN	08/09/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
266	12002253	NGUYỄN THẾ KIÊN	13/10/2001	Nam	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
267	27001281	NGUYỄN VĂN KIÊN	07/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
268	62001957	LÒ THỊ KIÊN	20/02/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
269	13004860	ĐẶNG VĂN KIỀU	17/03/2000	Nam	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
270	12004891	NGUYỄN THỊ KIỀU	01/10/2001	Nữ	7640101	Thú y
271	06001134	NÔNG THỊ THÚY KIỀU	21/11/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
272	12008864	PHẠM NINH KIỀU	08/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
273	11002415	LƯỜNG CAO KỶ	31/07/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
274	62004880	LƯỜNG VĂN LAI	01/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
275	62002297	VŨ VĂN LÃM	16/09/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
276	12010001	ĐÀO THU LAN	02/01/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
277	11000720	HOÀNG HƯƠNG LAN	30/12/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
278	12004285	NGÔ NGỌC LAN	25/12/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
279	12006271	TRẦN THỊ LAN	07/07/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
280	28016393	LÊ TÙNG LÂM	13/02/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
281	09006019	PHẠM QUỐC LÂM	17/04/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
282	11000728	TRỊNH ANH LÂM	21/11/2001	Nam	7340116	Bất động sản
283	12012649	PHẠM QUANG LẬP	02/09/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
284	12006865	PHẠM THỊ LỆ	02/06/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
285	12012650	TRẦN NHẬT LỆ	04/10/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
286	09005171	DƯƠNG QUỲNH LIÊN	14/05/2001	Nữ	7340116	Bất động sản

287	12013409	LÊ THỊ LIÊN	04/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
288	12012652	NGUYỄN THỊ LIÊN	09/03/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
289	10002021	DƯƠNG TRÙNG LÌN	17/04/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
290	06000126	BAN THỊ LINH	26/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
291	15008485	BÙI THỊ THÙY LINH	23/06/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
292	28024425	CAO VĂN LINH	18/02/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
293	12001784	DƯƠNG KHÁNH LINH	03/07/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
294	12005505	DƯƠNG THỊ HOÀI LINH	13/05/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
295	12009361	ĐÀO BẢO LINH	10/10/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
296	12002267	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LINH	30/09/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
297	12012662	ĐỒNG THỊ LINH	24/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
298	18016793	GIÁP THỊ LINH	20/07/2001	Nữ	7640101	Thú y
299	11000141	HOÀNG NGỌC LINH	16/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
300	12007812	NGUYỄN MAI LINH	15/05/2001	Nữ	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
301	09007274	NGUYỄN THỊ LINH	24/01/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
302	12009379	PHẠM THỊ LINH	05/09/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
303	62004591	SÙNG A LĨNH	15/08/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
304	12011287	DƯƠNG THỊ LOAN	22/11/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
305	12012672	ĐẶNG THỊ LOAN	13/02/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
306	07001194	CHÀO VĂN LONG	30/11/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
307	11001835	HÀ VĂN LONG	02/05/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
308	06001929	HOÀNG VIỆT LONG	18/06/1998	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
309	12011990	LƯU QUANG LONG	23/09/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
310	14007717	LÝ THIÊN LONG	10/02/2000	Nam	7340116	Bất động sản
311	29031946	THÁI VĂN LONG	20/08/2001	Nam	7640101	Thú y
312	12011992	TẦN MỸ LONG	04/02/2001	Nữ	7640101	Thú y
313	62004599	THÀO A LÔNG	16/03/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
314	13006724	CHANG A LÙ	20/09/2001	Nam	7640101	Thú y
315	05000961	VŨ MÍ LÚA	12/09/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
316	18007326	NGUYỄN THỊ LỰA	28/07/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
317	11002790	TẠ VĂN LUÂN	20/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
318	12013766	PHẠM VĂN LUẬN	29/05/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
319	11001540	TRIỆU THỊ LUYẾN	24/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
320	12013419	CHU THỊ LƯƠNG	20/09/2001	Nữ	7640101	Thú y
321	27007041	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	15/01/2000	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
322	12002648	NGUYỄN THỊ LY	26/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
323	12013768	NGUYỄN THỊ MAI LY	05/03/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
324	40003116	VÕ ĐỖ GIA LY	28/02/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
325	62003644	CHÁ A MA	05/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
326	12010684	DƯƠNG NGỌC MAI	07/04/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
327	12014162	LA THỊ PHƯƠNG MAI	10/10/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
328	12001077	LÊ THỊ MAI	12/08/2001	Nữ	7640101	Thú y
329	11001183	LÝ THỊ MAI	16/10/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
330	12007865	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH MAI	29/11/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
331	06003759	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	07/10/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
332	05004926	SÙNG THỊ MAI	24/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
333	14006031	TÒNG THỊ MAI	07/03/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
334	05000236	TRIỆU TIẾN MẠNH	06/06/2001	Nam	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
335	12009414	TRẦN TIẾN MẠNH	05/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
336	62003280	LÙ THỊ MÂY	01/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
337	12008515	DƯƠNG THỊ MẾN	29/01/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
338	12006938	PHẠM HỒNG MẾN	06/01/2001	Nữ	7420201	Công nghệ sinh học
339	06000964	NÔNG THÙY MIÊN	18/08/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
340	12007884	CHU NGỌC MINH	09/12/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
341	11001553	LƯỜNG VĂN MINH	11/11/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
342	12006946	NGUYỄN VĂN MINH	01/03/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
343	10002068	TRIỆU THỊ MINH	20/10/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
344	12002658	NGUYỄN THỊ HÀ MY	03/02/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y

345	12013167	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	15/12/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
346	12004939	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/10/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
347	06003775	VƯƠNG THỊ TRÀ MY	29/06/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
348	11001193	MA THỊ MỸ	12/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
349	12012723	CAO MẠNH NAM	03/06/2001	Nam	7340116	Bất động sản
350	12006303	ĐẶNG PHƯƠNG NAM	29/07/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
351	14007133	LỮ HOÀI NAM	18/08/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
352	12004354	LƯƠNG QUỐC NAM	29/09/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
353	12004954	TRẦN ĐỨC NAM	23/09/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
354	12013172	LÊ THỊ NGÀ	23/06/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
355	12006983	ĐOÀN VIỆT NGÂN	12/12/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
356	08000287	HÀ THỊ HỒNG NGÂN	20/11/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
357	10002931	HOÀNG THỊ NGÂN	26/02/2001	Nữ	7640101	Thú y
358	12013609	LƯƠNG THỊ NGÂN	26/11/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
359	11002284	TÁ KIM NGÂN	14/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
360	06003795	NÔNG ĐỨC NGHĨA	08/05/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
361	62001996	TÔNG VĂN NGHĨA	11/09/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
362	62002345	TRẦN TRUNG NGHĨA	06/02/2001	Nam	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
363	12001855	ĐINH MINH NGỌC	15/10/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
364	08000296	HÀ THỊ NGỌC	16/05/2001	Nữ	7640101	Thú y
365	16002403	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	07/10/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
366	27007066	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	16/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
367	12012755	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	07/08/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
368	12010140	ÂU THỊ NGUYỆT	01/01/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
369	12007966	PHẠM MINH NGUYỆT	09/09/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
370	12002678	CAO THANH NHÃ	30/06/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
371	05004938	LÌU THỊ NHÃ	12/04/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
372	12009469	DƯƠNG THỊ THANH NHÂN	17/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
373	62002354	LÒ THỊ HỒNG NHÂM	17/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
374	06002991	NÔNG VĂN NHÂN	24/06/2000	Nam	7640101	Thú y
375	62003311	LÒ THỊ NHÃN	10/10/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
376	28025096	LƯƠNG XUÂN NHẬT	21/11/2001	Nam	7640101	Thú y
377	09004626	PHẠM VĂN NHẬT	14/02/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
378	12008558	DƯƠNG THỊ NHI	20/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
379	15008595	ĐINH THỊ HẠNH NHI	18/09/2001	Nữ	7420201	Công nghệ sinh học
380	24006550	ĐINH THỊ YẾN NHI	24/07/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
381	12009474	VI THỊ YẾN NHI	01/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
382	11001862	NGUYỄN THỊ NHỊ	06/01/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
383	06003816	PHAN HOÀNG NHỊ	06/11/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
384	12007020	TRẦN THỊ NHIÊN	02/04/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
385	17008976	NGUYỄN THỊ NHINH	11/07/2000	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
386	12004999	NGUYỄN CÔNG NHUẬN	15/06/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
387	12012762	TRƯƠNG MINH NHUẬN	24/11/2001	Nam	7340116	Bất động sản
388	12008563	DƯƠNG HỒNG NHUNG	23/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
389	12008564	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	14/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
390	12005000	ĐÀM THỊ HUYỀN NHUNG	07/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
391	12007023	HOÀNG HỒNG NHUNG	10/08/2001	Nữ	7340120	Kinh doanh quốc tế
392	26013529	PHẠM TRANG NHUNG	08/08/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
393	11001583	TRIỆU THỊ NHUNG	29/08/2001	Nữ	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
394	07001219	TEO HOÀI NHƯ	11/10/2001	Nữ	7640101	Thú y
395	05001002	SÙNG MÍ NÔ	02/04/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
396	12005612	DƯƠNG THỊ NGỌC NỮ	05/03/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
397	08002392	THÈN THỊ OANH	17/03/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
398	08003769	VÀNG THỊ OANH	17/05/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
399	27005958	HOÀNG ĐÌNH PHI	23/03/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
400	38008195	NGUYỄN VĂN PHI	28/02/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
401	38008199	NGUYỄN CÔNG PHONG	05/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
402	10005812	LỘC VĂN PHÚ	21/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản

403	13005391	SÙNG A PHÙA	10/11/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
404	09002126	CHÂU VĂN PHÚC	21/10/2001	Nam	7340116	Bất động sản
405	05004691	LIÊU VĂN PHÚC	03/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
406	08001374	SÙNG VĂN PHÚC	16/04/2001	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
407	11002153	TRẦN HỮU PHÚC	04/09/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
408	05004693	TẬN VĂN PHỤNG	24/04/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
409	12013446	LỤC ĐẠI PHƯỚC	29/05/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
410	12013447	DIỆP TÂN PHƯƠNG	10/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
411	12005622	DƯƠNG HÙNG PHƯƠNG	19/01/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
412	12009484	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	28/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
413	12012789	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	12/02/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
414	09004085	PHẠM QUỲNH PHƯƠNG	13/09/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
415	12001892	TRỊNH THU PHƯƠNG	02/11/2001	Nữ	7640101	Thú y
416	12006345	LIÊU MINH PHƯƠNG	11/07/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
417	12011396	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	23/05/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
418	18002303	TRIỆU THỊ PHƯƠNG	26/06/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
419	12005636	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	16/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
420	12003261	DƯƠNG MINH QUANG	23/04/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
421	12011398	ĐỖ VĂN QUANG	27/05/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
422	18016898	ĐỖ VĂN QUANG	31/05/2001	Nam	7640101	Thú y
423	12014184	MA PHÚC QUANG	02/06/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
424	09002802	TRẦN MINH QUANG	29/10/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
425	10008107	VI VĂN QUẢNG	06/02/2001	Nam	7640101	Thú y
426	62002990	LÝ CAO QUẢNG	06/05/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
427	12000667	LÊ ANH QUÂN	31/03/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
428	16003467	NGUYỄN VĂN QUÂN	20/12/2001	Nam	7640101	Thú y
429	12013198	BÙI THỊ ÚT QUYÊN	14/11/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
430	12002697	NGUYỄN THỊ QUYÊN	19/12/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
431	06004283	HOÀNG VĂN QUYÊN	03/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
432	15011693	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	07/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
433	12012817	ĐỖ XUÂN QUỲNH	10/03/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
434	12013457	ĐINH THỊ NHƯ QUỲNH	21/05/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
435	05004704	HOÀNG XUÂN QUỲNH	07/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
436	12006358	LẠI THỊ THU QUỲNH	09/08/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
437	12002701	MAI THU QUỲNH	10/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
438	12011420	NGUYỄN THỊ HỒNG QUỲNH	14/09/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
439	21004629	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	25/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
440	12013203	NGUYỄN THỊ QUỲNH	03/09/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
441	62002037	QUẢNG THỊ QUỲNH	23/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
442	12003292	TRẦN THUỶ QUỲNH	11/10/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
443	63006005	PHẠM THỌ SIÊU	30/06/2001	Nam	7640101	Thú y
444	10002994	TRẦN THỊ THU SINH	21/03/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
445	07001449	SÀO HỒ SÔ	15/12/2000	Nữ	7340116	Bất động sản
446	06001658	ĐÀM NGỌC SƠN	13/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
447	09000142	ĐÀO THỊ SƠN	22/03/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
448	12002707	LÊ VĂN SƠN	05/03/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
449	07001022	LÒ VĂN SƠN	06/10/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
450	23001736	LÝ THÁI SƠN	22/02/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
451	12008046	NGUYỄN VĂN SƠN	14/09/2001	Nam	7640101	Thú y
452	13005403	HÀNG A SU	17/07/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
453	13005406	CỨ A SUA	07/06/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
454	13005407	GIÀNG A SỬA	01/02/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
455	08002423	LY SEO SỬ	26/05/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
456	08002425	CHÂU SEO TĂNG	11/10/2001	Nam	7340116	Bất động sản
457	12005067	DIỆP THỊ TÂM	16/03/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
458	12006031	MÔNG THÀNH TÂM	08/11/2001	Nam	7640101	Thú y
459	16003479	TRẦN THỊ TÂM	12/08/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
460	12005071	TRƯƠNG THỊ THANH TÂM	04/05/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin

461	11001900	NGUYỄN THỊ TÂM	19/09/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
462	12008059	NGÔ VĂN TÂN	01/09/2001	Nam	7640101	Thú y
463	12008617	ĐẶNG VĂN TẤN	02/02/2001	Nam	7640101	Thú y
464	12011457	NGUYỄN VĂN THẠCH	28/02/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
465	11002701	HOÀNG KIM THÁI	05/12/2000	Nam	7440301	Khoa học môi trường
466	10002206	NÔNG DANH THÁI	13/04/2001	Nam	7340116	Bất động sản
467	17002353	VI QUỐC THÁI	17/08/2001	Nam	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
468	14008259	CẨM THỊ THANH	08/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
469	12012151	LÊ XUÂN THANH	06/02/2001	Nam	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
470	09005023	LÝ THỊ HOÀI THANH	11/08/2001	Nữ	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
471	12002717	NGUYỄN ĐỨC THANH	24/01/2000	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
472	12008621	NGUYỄN THỊ THANH	31/05/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
473	12008071	BÙI SỸ MINH THÀNH	20/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
474	08005016	HẠNG A THÀNH	05/07/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
475	12002719	HOÀNG CÔNG THÀNH	17/06/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
476	13005410	HOÀNG VĂN THÀNH	26/07/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
477	12008073	LÊ ĐỨC THÀNH	13/02/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
478	16003488	NGUYỄN VĂN THÀNH	01/11/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
479	12008076	TRẦN DUY THÀNH	07/12/2001	Nam	7640101	Thú y
480	37017479	PHẠM THỊ THAO	14/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
481	12012857	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	12/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
482	12007138	DƯƠNG THỊ THẢO	02/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
483	12007142	HÀ THỊ THẢO	28/06/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
484	12011473	LIÊU THỊ THẢO	04/05/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
485	11000215	MA THỊ THU THẢO	18/09/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
486	15006004	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	03/02/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
487	09001687	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23/09/2001	Nữ	7640101	Thú y
488	12012861	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/12/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
489	12003905	NGUYỄN VĂN THẢO	06/09/2001	Nam	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
490	12005094	PHÓ THỊ THẢO	30/07/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
491	12005095	TRẦN THỊ THẢO	01/03/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
492	12013822	VŨ THỊ THẢO	21/10/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
493	12005099	VŨ THỊ THẨM	12/08/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
494	10002223	TRIỆU THỊ THẦN	09/12/2001	Nữ	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
495	12012180	CHU ĐẠI THẮNG	31/12/2001	Nam	7640101	Thú y
496	03010430	LÊ ĐỨC THẮNG	01/12/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
497	29002701	NGUYỄN CÔNG THẮNG	30/09/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
498	12006046	NGUYỄN VĂN THẮNG	21/08/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
499	12006387	NGUYỄN VĂN THẮNG	16/10/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
500	12000731	PHÙNG LÊ THẮNG	29/06/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
501	12013479	VŨ THÀNH THẮNG	24/05/2001	Nam	7340116	Bất động sản
502	14004965	ĐINH VĂN THÂN	29/11/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
503	40003518	PHẠM THỊ UYÊN THỊ	19/05/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
504	28034459	PHẠM TRƯỜNG THỊ	19/10/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
505	11001643	MA ĐÌNH THIỆN	06/10/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
506	12012191	NGUYỄN MINH THIỆN	12/04/1998	Nam	7320205	Quản lý thông tin
507	11002175	ĐÀM VĂN THỊNH	12/03/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
508	06001681	LƯƠNG VĂN THỊNH	04/04/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
509	06003362	NÔNG THẾ THỊNH	19/07/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
510	10002241	MÔNG THỊ BÍCH THỌ	01/12/2001	Nữ	7340116	Bất động sản
511	12008645	NGUYỄN THỊ THOẢ	05/10/2001	Nữ	7640101	Thú y
512	12012200	TRẦN THỊ THOẢ	11/09/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
513	13005421	GIÀNG A THÔNG	20/10/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
514	11002307	HOÀNG THỊ THỞ	22/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
515	06003902	HOÀNG THỊ THƠM	07/05/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
516	12006395	HOÀNG THỊ THÚY THOM	25/09/2001	Nữ	7640101	Thú y
517	12009576	ĐỖ THỊ THU	12/06/2001	Nữ	7640101	Thú y
518	11001925	VI PHƯƠNG THU	14/10/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin

519	11000233	ĐÀO NHƯ THUẦN	08/12/1999	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
520	28016007	THIỆU THỊ THUỶ	09/01/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
521	13002646	HOÀNG THANH THÙY	02/02/2001	Nữ	7640101	Thú y
522	11001385	MA THỊ THÙY	07/02/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
523	12001175	NGUYỄN THỊ THÙY	25/12/2001	Nữ	7640101	Thú y
524	10005899	BÀN VĂN THỦY	12/05/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
525	38002430	BÙI THỊ THANH THỦY	17/12/2001	Nữ	7420201	Công nghệ sinh học
526	62005005	LÈNG VĂN THỦY	06/01/1999	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
527	11001930	LÊ THỊ THANH THỦY	03/09/2001	Nữ	7540102	Kỹ thuật thực phẩm
528	62003047	LÒ VĂN THỦY	27/01/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
529	62002439	LƯỜNG THỊ THU THỦY	31/08/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
530	21004694	ĐÀO THỊ HỒNG THÚY	14/04/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
531	01043687	ĐẶNG THỊ THANH THÚY	24/09/2001	Nữ	7640101	Thú y
532	12007214	HOÀNG THỊ THANH THÚY	30/07/2001	Nữ	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
533	06001228	HOÀNG THỊ THÚY	06/07/2001	Nữ	7850103	Quản lý đất đai
534	11001931	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	25/05/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
535	11001935	LƯỜNG THỊ MINH THU	14/05/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
536	12002734	LÝ THỊ THU	10/03/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
537	48003060	NGUYỄN THỊ THANH THU	02/06/2000	Nữ	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
538	12007227	TRẦN THỊ NGỌC THU	13/11/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
539	11001665	VI THỊ NGỌC THU	01/12/2001	Nữ	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
540	12012231	HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	20/04/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
541	18001739	LÝ THỊ THƯƠNG	07/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
542	12008994	NGUYỄN CHÍ THƯƠNG	30/10/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
543	12005135	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/02/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
544	06002276	NÔNG THỊ UY THƯƠNG	28/10/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
545	12007233	NGUYỄN THANH THUỜNG	12/01/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
546	05004748	SÙNG SEO TIÊN	08/08/2001	Nam	7904492	Khoa học & Quản lý môi trường
547	11000948	TRỊNH THỊ TIÊN	19/09/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
548	12008666	VŨ THỊ TIÊN	25/06/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
549	06002532	NÔNG VĨNH TIỆP	22/05/1997	Nam	7850103	Quản lý đất đai
550	62003422	LÒ THỊ TÌNH	12/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
551	06001237	PHAN TRUNG TÌNH	18/06/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
552	07001762	SÙNG A TÍNH	24/10/2001	Nam	7620115	Kinh tế nông nghiệp
553	13005435	TRANG A TÍNH	12/06/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
554	11001943	TRIỆU ĐỨC TÍNH	15/02/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
555	12013493	DƯƠNG VĂN TOÀN	05/06/2000	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
556	12003947	NGUYỄN VĂN TOÀN	21/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
557	13002656	PHẠM KHÁNH TOÀN	26/10/2001	Nam	7640101	Thú y
558	09007889	NGUYỄN THẾ TÔN	01/10/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
559	06003939	ĐÀM THỊ TỐI	07/10/2001	Nữ	7640101	Thú y
560	12008670	NGUYỄN THỊ THƠM TRÀ	19/04/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
561	26003568	NGUYỄN THANH TRÀ	26/10/2001	Nữ	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
562	12004523	NGUYỄN THANH TRÀ	08/12/2001	Nữ	7620115	Kinh tế nông nghiệp
563	16010159	DƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	13/05/2000	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
564	01051889	ĐỖ THỊ THU TRANG	31/01/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
565	10002282	HÀ THU TRANG	20/08/2001	Nữ	7640101	Thú y
566	12007253	LÊ THỊ THÙY TRANG	24/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
567	13004537	LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	22/01/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
568	15004451	MAI THỊ HUYỀN TRANG	24/07/2001	Nữ	7640101	Thú y
569	12000169	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	07/04/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
570	12005754	NGUYỄN THỊ THU TRANG	08/08/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
571	12001995	NGUYỄN THỊ TRANG	11/04/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
572	06003951	NÔNG PHẠM HUYỀN TRANG	21/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
573	12008187	TRẦN HUYỀN TRANG	16/01/2001	Nữ	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
574	10008307	HOÀNG QUYẾT TRÍ	29/07/2001	Nam	7640101	Thú y
575	01047188	HÀ KHÁNH TRIỀU	22/10/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
576	29031629	HÀ VĂN TRIỀU	27/10/2001	Nam	7640101	Thú y

577	11002320	BÀN VĂN TRỌNG	01/07/2000	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
578	29031640	PHẠM VĂN TRỌNG	16/03/2000	Nam	7640101	Thú y
579	12008684	NGUYỄN TIẾN TRUNG	03/11/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
580	26005310	TRẦN XUÂN TRỮ	23/03/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
581	11002512	LÈNG QUANG TRỰC	20/03/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
582	12001215	DƯƠNG PHÚC TRƯỜNG	11/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
583	12010889	ĐỖ SƠN TRƯỜNG	05/06/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
584	12013512	HOÀNG VIỆT TRƯỜNG	09/09/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
585	11002210	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	17/09/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
586	10005412	TRIỆU XUÂN TRƯỜNG	03/07/2001	Nam	7620205	Lâm sinh
587	06003977	HOÀNG DƯƠNG TÚ	05/11/2000	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
588	16008349	LƯU VĂN TÚ	19/10/2001	Nam	7340116	Bất động sản
589	12012937	NGUYỄN ANH TÚ	25/07/2001	Nam	7340116	Bất động sản
590	19001984	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	12/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
591	03003144	VŨ THANH TÚ	26/01/2001	Nam	7340116	Bất động sản
592	11001301	LÝ VĂN TUÂN	12/08/2001	Nam	7340116	Bất động sản
593	12008700	VƯƠNG ĐÌNH TUÂN	10/09/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
594	12012300	CHU ANH TUẤN	15/05/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
595	12005791	NGUYỄN VĂN TUẤN	04/02/2001	Nam	7340116	Bất động sản
596	16003563	NGUYỄN VĂN TUẤN	31/10/2000	Nam	7640101	Thú y
597	09007730	NGUYỄN MẠNH TÙNG	05/02/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
598	48018924	NGUYỄN PHẠM HUYNH THANH TÙNG	01/03/2001	Nam	7640101	Thú y
599	08000763	NGUYỄN XUÂN TÙNG	03/05/2001	Nam	7640101	Thú y
600	17002382	VŨ VĂN TÙNG	21/12/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
601	10004417	ĐINH VĂN TUYỀN	25/12/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
602	12013517	VŨ VĂN TUYỀN	03/05/2001	Nam	7540101	Công nghệ thực phẩm
603	12006459	PHẠM ĐÌNH TUYỀN	22/11/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
604	12013519	DIỆP THỊ TUYẾT	15/04/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
605	13002681	LÊ THỊ NGỌC TUYẾT	23/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
606	09001768	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	28/08/2001	Nữ	7620115	Kinh tế nông nghiệp
607	01035195	TRẦN THỊ TUYẾT	03/12/2000	Nữ	7620112	Bảo vệ thực vật
608	12009686	NGUYỄN THỊ UYÊN	22/08/2001	Nữ	7620110	Khoa học cây trồng
609	12013285	PHẠM THỊ THU UYÊN	03/10/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
610	08005076	LÒ A VANG	10/03/2001	Nam	7340116	Bất động sản
611	09002922	HÀ THỊ KIM VÂN	26/08/2001	Nữ	7640101	Thú y
612	08005899	LA THỊ VÂN	22/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
613	12013523	LƯƠNG THÚY VÂN	26/12/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
614	13007022	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	18/08/2001	Nữ	7320205	Quản lý thông tin
615	24008602	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	03/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
616	12000185	TRIỆU THỊ THÙY VÂN	09/08/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
617	27008293	LÊ ĐỨC VĨ	28/08/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
618	12007340	LÊ VĂN VỊ	31/10/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
619	09007745	TRẦN TUẤN VIÊN	25/01/2001	Nam	7420201	Công nghệ sinh học
620	05003342	HOÀNG THỊ VIỆN	06/02/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
621	06004556	HOÀNG VĂN VIỆT	08/01/2000	Nam	7620115	Kinh tế nông nghiệp
622	26004376	VŨ HỮU VIỆT	29/11/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
623	10002340	CHU THỊ VINH	14/07/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
624	12011612	ĐỒNG QUANG VINH	11/08/2001	Nam	7340116	Bất động sản
625	11001976	HÀ VĂN VINH	01/07/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
626	06003154	LỤC VĂN VĨNH	21/03/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
627	12012342	TRẦN NGỌC VĨNH	13/03/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai
628	05004773	ĐẶNG VĂN VŨ	12/11/2001	Nam	7620101	Nông nghiệp công nghệ cao
629	10001722	LƯƠNG TUẤN VŨ	22/12/2001	Nam	7340116	Bất động sản
630	11002227	NGUYỄN VĂN VŨ	23/03/2001	Nam	7440301	Khoa học môi trường
631	12008270	TẶNG MINH VŨ	04/07/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
632	12009711	ĐỖ BỀN VŨNG	16/03/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
633	11002718	MA VĂN VŨNG	17/01/2001	Nam	7320205	Quản lý thông tin
634	06001273	THẨM VĂN VŨNG	20/02/2001	Nam	7850103	Quản lý đất đai

635	07002237	LÙ MỤ XÓ	22/10/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
636	10003610	HOÀNG THỊ KIM XOAN	02/06/2001	Nữ	7906425	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)
637	08002491	GIÀNG THỊ THU XUÂN	22/09/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
638	12011619	NGUYỄN MINH XUÂN	11/08/2001	Nam	7620105	Chăn nuôi thú y
639	12008277	PHAN THANH XUÂN	04/12/2001	Nữ	7620105	Chăn nuôi thú y
640	11000295	CHU THỊ YẾN	13/01/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
641	12008729	ĐÀO ĐỨC YÊN	07/04/2001	Nam	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
642	12002768	BÙI THỊ NGỌC YẾN	05/05/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
643	12003447	ĐÀO THỊ YẾN	21/02/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
644	06002308	ĐẶNG THỊ YẾN	15/09/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
645	11002860	HOÀNG HẢI YẾN	25/07/2000	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
646	10006463	HOÀNG HẢI YẾN	14/03/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
647	09004200	LÂM THỊ HẢI YẾN	01/04/2001	Nữ	7440301	Khoa học môi trường
648	26013723	LẠI HẢI YẾN	12/09/2001	Nữ	7905419	Công nghệ thực phẩm (CTTT)
649	12008284	NGUYỄN HẢI YẾN	05/11/2001	Nữ	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường
650	12005826	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	29/01/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm
651	12001245	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	16/04/2001	Nữ	7640101	Thú y
652	18015104	NGUYỄN THỊ YẾN	24/03/2001	Nữ	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
653	19012503	PHẠM THỊ KIM YẾN	28/06/2001	Nữ	7540101	Công nghệ thực phẩm